TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2025/KDTM-ST Ngày: 11-8-2025 V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưởng;

2. Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng cho thuê tài chính*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty C2.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9-26-27-28-29, Saigon Trade C, Số C T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C1, Y - C – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1997.

2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Tầng B, Saigon Trade C, C T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 735.2025/GUQ-COL ngày 07/8/2025).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần L.

Địa chỉ: Lô D, Đường D, khu công nghiệp P, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê T - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Ngô Quốc T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ hiện nay: Số D T, Khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Hùng D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số E Đường C, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2025)

(Bà Thu B, ông V có mặt; ông D có mặt; đại diện Công ty Cổ phần L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty C2 do bà Nguyễn Thị Thu B và ông Nguyễn Văn V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty C2 (sau đây gọi tắt là Công ty C2) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần L ngày 07/02/2020, Công ty C2 đã tiến hành thương lượng và chấp thuận cho Chi nhánh Công ty Cổ phần L thuê tài chính từ Công ty C2. Do Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C2 tài trợ tài chính, nên hai bên đã ký các Hợp đồng cho thuê tài chính số B200205103 ký ngày 07/02/2020. Theo đó, tài sản mà Chi nhánh Công ty Cổ phần L có nhu cầu thuê tài chính là Xe nâng nhãn hiệu: YALE, mã kiểu loại: NDR03EB – 14.5 và Xe nâng nhãn hiệu: YALE, mã kiểu loại: MP20X FBW.

Cùng ngày 07/02/2020, để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C2 có chấp nhận Thư bảo lãnh thanh toán cá nhân của ông Phạm Ngô Quốc T1. Theo đó, trường hợp Chi nhánh Công ty L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Ngô Quốc T1 cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L.

Để thực hiện các Hợp đồng thuê số B200205103 ngày 07/02/2020, Công ty C2 đã ký Hợp đồng mua bán số B200205103-PC ký ngày 11/02/2020, để mua tài sản cho thuê từ Công ty TNHH T3 và cho Công ty Cổ phần L thuê lại các tài sản thuê này. Sau đó, Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê ngày 20/02/2020 để chấp nhận các tài sản thuê theo hợp đồng thuê nêu trên. Tổng giá trị của các tài sản thuê là 1.620.300.000 đồng, trong đó Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L đã trả trước 81.015.000 đồng. Công

ty C2 tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng ("Giá trị thuế") là 1.539.285.000 đồng. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C3 với biên độ là 2.78%/năm, mức lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là: 7.22% + 2.78%= 10.00%/năm. Thời hạn thuê là 48 tháng, bắt đầu từ ngày 20/02/2020 đến ngày 25/02/2024.

Hàng tháng, Chi nhánh Công ty Cổ phần L phải thanh toán cho Công ty C2 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C2 đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C2 vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của hợp đồng thuê, nếu Chi nhánh Công ty Cổ phần L vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C2 đều có quyền chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L bồi thường thiệt hại (nếu có).

Do Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của hợp đồng thuê, Công ty C2 đã phát hành thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê. Yêu cầu Chi nhánh Công ty Cổ phần L thanh toán tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng thuê. Tính đến ngày 11/8/2025 Chi nhánh Công ty Cổ phần L còn nợ Công ty C2 với số tiền là 391.818.990 đồng, trong đó nợ gốc là 254.859.670 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê là 72.110.948 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày chấm dứt hợp đồng thuê 20/12/2023 đến ngày 11/8/2025 là 64.848.371 đồng.

Sau khi chấm dứt hợp đồng thuê, Công ty C2 đã nhiều lần liên hệ Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L để yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, Chi nhánh Công ty Cổ phần L không thanh toán cho Công ty C2 bất cứ khoản tiền thuê nào.

Ngày 18/12/2024, Công ty C2 gửi T2 yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê số 01.2024/TB-BL đến ông Phạm Ngô Quốc T1 để yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê. Tuy nhiên, cho đến nay, ông Phạm Ngô Quốc T1 vẫn chưa thanh toán cho Công ty C2 bất cứ khoản tiền nào.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân" và khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: "Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp". Tại điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh T4 thì nguyên đơn có

thể yêu cầu Toà án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết". Vì vậy, Công ty C2 khởi kiện yêu cầu như sau:

- Buộc Công ty Cổ phần L thanh toán cho Công ty C2 số tiền thuê mà Chi nhánh Công ty Cổ phần L còn nợ đối với Hợp đồng thuê, tính đến ngày 11/8/2025 Chi nhánh Công ty Cổ phần L còn nợ Công ty C2 là 391.818.990 đồng, trong đó nợ gốc là: 254.859.670 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 20/12/2023 là: 72.110.948 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 20/12/2023 đến ngày 11/8/2025 là: 64.848.372 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần L thanh toán cho Công ty C2 tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 12/8/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thuê còn nợ, buộc Công ty Cổ phần L giao trả tài sản thuê để Công ty C2 xử lý, thu hồi nợ theo Hợp đồng thuê số B200205103, xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại NDR030EB-14.5 và xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại MP20X FBW.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty Cổ phần L không giao trả tài sản thuê, buộc ông Phạm Ngô Quốc T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C2 theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Bị đơn là Công ty Cổ phần L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng Công ty Cổ phần L đều vắng mặt không có lý do. Công ty Cổ phần L cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của Công ty đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phạm Ngô Quốc T1 *do ông* Đinh Hùng D *đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ông Phạm Ngô Quốc T1 đề nghị Tòa án không công nhận giá trị pháp lý của Thư bảo lãnh cá nhân ngày 07/02/2020 do Công ty C2 cung cấp. Bởi vì, văn bản chứng nhận đăng ký bảo đảm, hợp đồng ngày 20/02/2020 đã thay thế cho Thư bảo lãnh cá nhân của ông T1 đối với Hợp đồng nêu trên. Do đó, ông T1 không còn có bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bảo lãnh đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số B200205103 ngày 07/02/2020 và Phụ lục số 01 được ký kết giữa Công ty C2 và Nhà máy L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của đương sự, thấy rằng:

Theo Giấy ủy quyền ngày 15/01/2020, Giấy xác nhận thành viên Hội đồng quản trị ngày 07/02/2020 và theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên *Công ty Cổ phần L* ngày 07/02/2020 đã tiến hành thương lượng và chấp thuận cho Chi nhánh *Công ty Cổ phần L* thuê tài chính từ *Công ty C2*.

Giữa Công ty C2 và Chi nhánh Công ty Cổ phần L đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B200205103 ký ngày 07/02/2020. Theo đó, tài sản mà Chi nhánh Công ty L có nhu cầu thuê tài chính là: Xe nâng nhãn hiệu: YALE, Mã kiểu loại: NDR03EB-14.5; Xe nâng nhãn hiệu: YALE, Mã kiểu loại: MP20X FBW. Để thực hiện các Hợp đồng thuê số B200205103 ngày 07/02/2020, giữa Công ty C2 và Công ty TNHH T3 đã ký Hợp đồng mua bán số B200205103-PC ký ngày 11/02/2020 để mua tài sản cho thuê từ Công ty TNHH T3 và cho Chi nhánh Công ty L thuê lại các tài sản thuê này. Sau đó, Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê ngày 20/02/2020 để chấp nhận các tài sản thuê theo Hợp đồng thuê nêu trên. Tổng giá trị của các tài sản thuê là 1.620.300.000 đồng, trong đó Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L đã trả trước 81.015.000 đồng. Công ty C2 tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng là 1.539.285.000 đồng. Thời hạn thuê là 48 tháng, bắt đầu từ ngày 20/02/2020 đến ngày 25/02/2024. Cùng ngày 07/02/2020, để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C2 có chấp nhận Thư bảo lãnh thanh toán cá nhân của ông Phạm Ngô Quốc T1. Theo đó, trường hợp Chi nhánh Công ty L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê, ông Phạm Ngô Quốc T1 cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L. Tổng số tiền Chi nhánh Công ty Cổ phần L đã thanh toán cho Công ty C2 tính đến ngày 11/8/2025 là 1.554.221.250 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.284.425.330 đồng, tổng nợ lãi là 269.795.920 đồng. Xét thấy, việc các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nêu trên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân", và khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: "Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp". Tại điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh T4 thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết".

Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét thấy, Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L không thanh toán tiền theo đúng thỏa thuận của hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, căn cứ Điều 26 của hợp đồng Công ty C2 đã phát hành Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, đồng thời gửi thư yêu cầu người bảo

lãnh là ông T1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê. Do Chi nhánh Công ty L- Nhà máy L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 254.859.670 đồng là phù hợp.

Về yêu cầu trả nợ lãi: Do Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn căn cứ vào Điều 6 của Hợp đồng cho thuê tài chính để yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi; cụ thể: nợ lãi trong giới hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 20/12/2023 là 72.110.948 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 20/12/2023 đến ngày 11/8/2025 là 64.848.372 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi chậm trả: dù đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở, nhưng Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc là 254.859.670 đồng cho Công ty C2 là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 12/8/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2025, hiện tại Chi nhánh Công ty L có xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại NDR030EB-14.5 và xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại MP20X FBW. Tình trạng xe: theo người đại diện của nhà máy thì 02 xe nâng này đang ngưng sử dụng, có bị hư hỏng hay không thì không xác định được. Trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thuê còn nợ, buộc Chi nhánh Công ty L giao trả tài sản thuê để Công ty C2 xử lý, thu hồi nợ theo hợp đồng thuê số B200205103, xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại NDR030EB-14.5 và xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại MP20X FBW là có căn cứ.

Xét thấy, tại thư bảo lãnh có nội dung "… bằng thư này, bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp bên thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, Bên bảo lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê mà bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo hợp đồng thuê và cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bằng chứng nào cho bên bảo lãnh…". Ngày 18/12/2024, Công ty C2 gửi T2 yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê số 01.2024/TB-BL đến ông Phạm Ngô Quốc T1 để yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê. Tuy nhiên cho đến nay, ông T1 vẫn chưa thanh toán cho Công ty C2 bất cứ khoản tiền nào. Do đó, căn cứ vào thỏa thuận của Thư bảo lãnh cá nhân, Công ty C2 yêu cầu trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L không giao trả tài sản thuê, buộc ông Phạm Ngô Quốc T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C2 theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 335, Điều 336 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống

đạt và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có mặt, cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 50, 55, 306 Luật thương mại 2005; Điều 335, 336, 342 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty C2 khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L phải trả cho Công ty C2 số tiền thuê và tiền lãi theo Hợp đồng cho thuê số: B200205103, ký ngày 07/02/2020. Công ty Cổ phần L có địa chỉ trụ sở tại Lô D, Đường D, khu công nghiệp P, xã B, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là Công ty C2 do bà Nguyễn Thị Thu B và ông Nguyễn Văn V có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Ngô Quốc T1 do ông Đinh Hùng D đại diện theo ủy quyền có mặt, bị đơn là Công ty Cổ phần L được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần L.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án:

[3.1] Công ty C2 khởi kiện buộc Công ty L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định Công ty Cổ phần L là bị đơn.

[3.2] Theo các Hợp đồng đã ký kết, thì Công ty C2 và Chi nhánh Công ty Cổ Phần L – Nhà máy L, địa chỉ: T đất số 363, tờ bản đồ 60, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ Điều 84 Bộ Luật Dân sự, Chi nhánh không có tư cách pháp nhân, chỉ là một đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, chi nhánh được thành lập nhằm mục đích mở rộng quy mô, thị trường kinh doanh của doanh nghiệp.

[3.3] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 84 Bộ luật Dân sự thì chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân. Trong đó, chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của pháp nhân; còn văn phòng đại diện có nhiệm vụ đại diện trong phạm vi do pháp nhân giao, bảo vệ lợi ích của pháp nhân. Căn cứ khoản 7 Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Hội đồng xét xử không xác định Chi nhánh Công ty Cổ Phần L – Nhà máy L, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C2, thấy rằng:

[4.1] Về tiền gốc: Chi nhánh Công ty Cổ phần L và Công ty C2 đã ký các Hợp đồng cho thuê tài chính số B200205103 ký ngày 07/02/2020. Theo đó, tài

sản mà Chi nhánh Công ty Cổ phần L thuê tài chính là: Xe nâng nhãn hiệu: YALE, Mã kiểu loại: NDR03EB – 14.5; Xe nâng nhãn hiệu: YALE, Mã kiểu loại: MP20X FBW. Để thực hiện các Hợp đồng thuê số B200205103 ngày 07/02/2020, Công ty C2 đã ký Hợp đồng mua bán số B200205103-PC ký ngày 11/02/2020, để mua tài sản cho thuê từ Công ty TNHH T3 và cho Chi nhánh Công ty Cổ phần L thuê lại các tài sản thuê này với giá là 1.620.300.000 đồng. Sau đó, Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê ngày 20/02/2020 để chấp nhận các tài sản thuê theo Hợp đồng thuê nêu trên. Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L đã trả trước 81.015.000 đồng theo phụ lục số 01 ngày 07/02/2020. Công ty C2 tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng là 1.539.285.000 đồng. Thời hạn thuê là 48 tháng, bắt đầu từ ngày 20/02/2020 đến ngày 25/02/2024.

Do Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của hợp đồng thuê, Công ty C2 đã phát hành thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Chi nhánh Công ty Cổ phần L thanh toán tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng thuê tính đến ngày 20/12/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 489.000.618 đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng thuê, Công ty C2 đã nhiều lần liên hệ Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L để yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, Chi nhánh Công ty Cổ phần L không thanh toán cho Công ty C2 bất cứ khoản tiền thuê nào. Ngày 18/12/2024, Công ty C2 gửi T2 yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê số 01.2024/TB-BL đến ông Phạm Ngô Quốc T1 để yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê. Tuy nhiên, cho đến nay, ông Phạm Ngô Quốc T1 vẫn chưa thanh toán cho Công ty C2 bất cứ khoản tiền nào.

Công ty Cổ phần L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng Công ty Cổ phần L đều vắng mặt không có lý do. Công ty Cổ phần L cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C2.

Công ty C2 đã thực hiện nghĩa vụ đúng và đầy đủ nội dung của hợp đồng đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L. Như đã phân tích nêu trên, Chi nhánh Công ty Cổ phần L còn nợ Công ty C2 số tiền nợ gốc là: 254.859.670 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về tiền lãi: Như đã phân tích trên, tổng giá trị của các tài sản thuê là 1.620.300.000 đồng, trong đó Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L đã trả trước 81.015.000 đồng theo Phụ lục số 01 ngày 07/02/2020. Công ty C2 tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng là 1.539.285.000 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C3 với biên độ là 2.78%/năm, mức lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là: 7.22% + 2.78%= 10.00%/năm. Thời hạn thuê là 48 tháng, bắt đầu từ ngày 20/02/2020 đến ngày 25/02/2024. Mỗi tháng, Chi nhánh Công ty Cổ phần L phải thanh toán cho Công ty C2 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C2

đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Nay Công ty L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Công ty C2 yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Theo thỏa thuận, trước khi Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C2 vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Căn cứ Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Chi nhánh Công ty Cổ phần L vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C2 đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Chi nhánh Công ty Cổ phần L - Nhà máy L bồi thường thiệt hại (nếu có). Xét thấy, thỏa thuận này là phù hợp với khoản 8 Điều 17 của Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C2 và Công ty cho thuê tài chính. Do đó, trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thuê còn nợ, buộc Công ty Cổ phần L giao trả tài sản thuê là Xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại NDR030EB-14.5 và Xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại MP20X FBW, để Công ty C2 xử lý, thu hồi nợ theo Hợp đồng thuê số B200205103.

[4.4] Theo giấy xác nhận thành viên Hội đồng quản trị ngày 07/02/2020, ông Phạm Ngô Quốc T1 là chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần L. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 07/02/2020, toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần L đã chấp thuận cho ông Phạm Ngô Quốc T1 đứng ra bảo lãnh cho Công ty Cổ phần L. Cùng ngày 07/02/2020, để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C2 có chấp nhận Thư bảo lãnh thanh toán với tư cách cá nhân của ông Phạm Ngô Quốc T1. Theo đó, trường hợp Chi nhánh Công ty L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Ngô Quốc T1 cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Chi nhánh Công ty L - Nhà máy L. Xét thấy, căn cứ Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự, Thư bảo lãnh thanh toán cá nhân của ông Phạm Ngô Quốc T1 là có hiệu lực pháp luật. Do đó, trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty Cổ phần L không giao trả tài sản thuê, buộc ông Phạm Ngô Quốc T1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C2 theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

[5] Về chi phí thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.000.000 đồng do Công ty C2 nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn là Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty C2 số tiền 4.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Công ty Cổ phần L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận với số tiền án phí là 19.590.949,5 đồng (391.818.990 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 50, 55 và 306 Luật Thương mại; Điều 335, 336, 342 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C2 đối với Công ty Cổ phần L.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần L thanh toán cho Công ty C2 số tiền thuê còn nợ (tính đến ngày 11/8/2025) là: 391.818.990 đồng, trong đó nợ gốc là: 254.859.670 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 20/12/2023 là: 72.110.948 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 20/12/2023 đến ngày 11/8/2025 là: 64.848.372 đồng.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần L thanh toán cho Công ty C2 tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 12/8/2025 tính trên nợ gốc, với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số B200205103 ký ngày 07/02/2020 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần L và Công ty C2 và Phụ lục số 01 ngày 07/02/2020 kèm theo cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

1.3. Trường hợp Công ty Cổ phần L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thuê còn nợ, buộc Công ty Cổ phần L giao trả tài sản thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B200205103 ký ngày 07/02/2020 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần L và Công ty C2 và Phụ lục số 01 ngày 07/02/2020 kèm theo là: Xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại NDR030EB-14.5 và Xe nâng nhãn hiệu YALE, mã kiểu loại MP20X FBW, để Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quốc tế C2 xử lý, thu hồi nợ.

1.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty Cổ phần L không giao trả tài sản thuê, buộc ông Phạm Ngô Quốc T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C2 theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân ngày 07/02/2020 đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

2. Về chi phí thẩm định tại chỗ với số tiền 4.000.000 đồng, do nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quốc tế C2 nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn là Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty C2 số tiền 4.000.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần L phải chịu 19.590.949,5 đồng. Trả lại số tiền tạm ứng án phí 12.420.000 đồng cho Công ty C2 theo Biên lai thu số 0007501 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**
Đặng Thị Bích Loan Nguyễn Thị Hưởng	**Đoàn Thanh Lâm**